



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 268.689

VEWL#: _____

I-171: Y NO

EXIT VISÁ #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HOANG DAN
Last Middle First

Current Address: 260 Apr 2, Th. Van Ho Phong - Gio Rai - Minh Hai

Date of Birth: 04-23-1948 Place of Birth: HUE

Previous Occupation (before 1975) Sergeant + Ant. Communist
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06.1975 To 09.01-1978
Years: 03 Months: 03 Days:
05 02

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

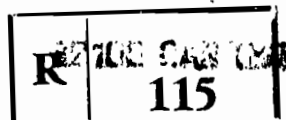
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FROM: HOÀNG ĐÀN

260, Ấp 2, Thị Trấn Hộ Phòng
Huyện Giá Rai, Tỉnh Vĩnh Hải

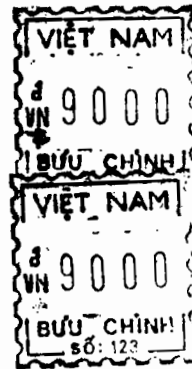
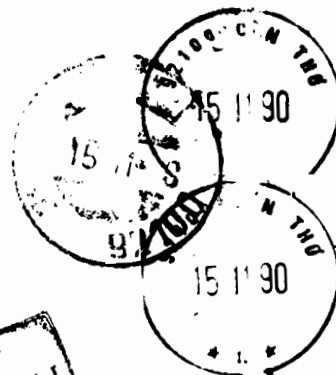


T509n

MÁY BAY
PAR AVION



PAR AVION VIA AIR MAIL



TO: Bà. : KHÚC MINH THƠ
Hội Gia Đình Việt Nam

DEC 05 1990 PO BOX 5435 Arlington

Va 22205 - 0635

Tel 703 - 560 - 0058

U. S. A

Hồ sơ, ngày 15 tháng 11 năm 1990

Lính gọi: Bà Đức-minh-Chò

Chú trình câu -

Có nghe danh bà từ lâu, nhưng nay mới biết địa chỉ, liền biên thư này, mong được bà quan tâm giúp đỡ, để gia đình tôi được sang định cư tại Hoa Kỳ.

Sau đây là sơ yếu lý lịch của tôi:

Họ và tên: Hoàng-Dân, sinh ngày 23-4-1948 tại Huế, gia nhập quân đội ngày 22-2-1968. Số quân 68/203.900. KBC 4.190, đến tháng 12 năm 1970 tôi được biệt phái về ngành Cảnh-Sat Quốc gia, tại tỉnh Quảng-ngãi số MBI 330.209. Đơn vị cuối cùng phong truyền tin BCH/CSQA tỉnh Thừa-thiên.

Sau 30-4-1975 tôi bị Cải-tạo tại trại Ai-tử thuộc tỉnh Quảng-trị, đến ngày 1-9-1978 thì được thả, nhưng sau khi về địa phương thì gặp rất nhiều khó khăn về tinh thần và tài chính, nên tôi trốn vào tủy Binh-lại và tham gia vào lực-lượng đối DÂN-QUYỀN. Sau đó bị bắt ngày 22-7-1981 và kết tội tôi về phản Cách mạng, kết án 07 năm tù ở. Đến ngày 6-9-1985 thì tôi có quyết định được thả, nhưng trại giam Cây gừa bảo tôi, Cải-tạo chưa tốt nên mãi tới ngày 9-9-1986 mới cho tôi về.

Hiện nay tôi đang còn bị quân chế, củ mới thông phải trình diện công an địa phương một lần, chỉ lại khai tủy thì phải xin phép, phân lý.

liệt và lẩn tay, chụp hình thì lâu hoặc và bất cứ
lúc nào, có những lúc mới đến công an đến mới
đi đến cơ quan công an, ngày sau thì thả về mà
không có lý do gì cả.

Phần thủ tục xin di trú của chương trình
ODP tôi đã lập xong và chương trình ODP đã
mở cho tôi IV: 268.689, nhưng tôi lập thủ tục
xin xuất cảnh thì chính quyền Việt nam tôi phải
có giấy bảo lãnh ở Hoa Kỳ mới làm được.

Vậy tôi biên thư này xin bà vui lòng bảo
lãnh cho gia đình tôi thì tôi mới lập thủ tục được.

Phần giấy tờ của tôi sau 30-4 và tôi qua
lo 38 nên đã thu tiêu hết, hiện chỉ còn sót lại
một ít, nên tôi photo để gửi đi kèm:

- 1 bản photo giấy cải tạo
- 1 giấy làm thủ tục cho hàng PMK.
- 1 giấy thủ tục tiếp tế nhu yếu phẩm của cấp sát cấp.
- 1 giấy tuổi trong gia đình
- 1 giấy hôn thú
- 7 giấy khai sinh của các con tôi.

Phần năm sinh của tôi thì có thay đổi sau 30-4.
- Trước 30-4 tôi sinh ngày 23-4-1948 nhưng sau
30-4 tôi khai báo tuổi là sinh ngày 24-4-
1942. Sau hết xin bà quan tâm giúp đỡ cho
và rất mong thư trả lời của bà.

Thành kính biệt ỏ.

Trần Văn

Hoàng Dân

Cát cả gia đình gồm có:

- 1 Hoàng Dân sinh ngày 23-4-1948
- 2 Hoàng Thị Kim Hồng - 25-1-1943 Vợ
- 3 Hoàng Thị Kim Thanh - 20-9-1967 con
- 4 Hoàng Công Minh - 1-10-1968 con
- 5 Hoàng Thị Kim Phương - 27-5-1971 con
- 6 Hoàng Thị Kim Loan - 07-2-1973 con
- 7 Hoàng Thị Kim Châu - 12-5-1978 con
- 8 Hoàng Công Chương - 5-10-1977 con
- 9 Hoàng Kim Ngọc - 20-5-1985 con

THẺ TIẾP-TẾ NHU YẾU PHẨM CÔNG-CHỨC 1972

№ 007473

HTX/TTCC

Họ tên Đoàn Đình
 Căn cước số _____
 Cấp tại _____
 Ngày _____
 Cơ quan Đoàn Sĩ
 Họ Tên (vợ hay chồng) _____

Quảng-Ngãi, ngày 22 tháng 1 năm 1972

T. Ban QT-HTX/TTCC

Ch. T. T.

LOẠI	THÁNG															
HÀNG	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
SỮA																
ĐƯỜNG																
DẦU ĂN																
THUỐC LÁ																
GẠO																

CHỨNG NHẬN

87/4

Ông Bà _____ hiện tòng sự tại _____

Quảng-Ngãi, ngày _____ tháng _____ năm 1972

Trưởng cơ quan

RAYMOND MORRISON KNUDSEN Badge No. _____

TERMINATION SLIP

Payroll/Period Ending : _____

To Payroll Dept. Name : DAN, HOANG		Classification WELDER STRUCT		Rate 22\$00																											
Has been terminated for the reason below effective :				Date	A.M. P.M.																										
RESIGNATION				May 10 66	1730																										
AREA Manager :		Personnel Manager :																													
H O U R S																															
Day	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
O.T.									AA																						
S.T.																															
Total Hours	Rate		Gross Pay		Seyerance Pay		Terminal Pay		Annual Leave		Net Earnings																				
XXX	33		XXX						2 Days																						
XXX	22		XXX				XXX		352.00		352.00																				
Reason for Termination :						Received Payment in Full as Shown Above																									
Surplus Medical Resignation Discharge XXX Date of hire - June 18, 65.						Employee's Signature IDENTITY CARD NO. I775/KS																									
WHITE PINK GREEN YELLOW BLUE						Payroll - Navy Audit - Personnel - Foreman - Employee																									

ĐƠN KHI KHAI TÌNH-TRẠNG GIA-ĐÌNH

Họ và tên : HOÀNG - ĐÀN, Sinh ngày 23-04-1948 tại
Phong-diễn, Thừa-Thiên.

Hiện từng sự tại : BCH/CSQG Tỉnh Thừa-Thiên.

Nơi nhận việc đầu tiên : BCH/CSQG Tỉnh Quảng-Ngãi.

Được tuyển-dụng do: ND/BP Số 0532/QP/ND ngày 6-5-1970
ngày 6-5-1970 của BỘ QUỐC-PHÒNG.

Ngày chính-thức nhận việc: Ngày 19-01-1970.

Ngạch-trật hiện tại : QUAN-NHÂN BIỆT-PHẢI.

Xin kê khai tình trạng gia-đình của tôi do tôi nuôi-dưỡng
hiện trú tại Khánh-mỹ, Phong-nguyên Phong-diễn, Thừa-Thiên.

Gồm 01 vợ và 05 con kê sau:

Số TT: Họ và tên : Ngày nơi sinh : BỊ - CHỦ

Vợ	: 01	: HỒ THỊ-KIM-HỒNG	: 25-01-1943	Quảng-Trị	: Vợ chính-thức
	:	:	:	:	: Không công-chức
Con	: 01	: Hoàng-thị-Kim-Tĩnh	: 20-09-1967	Quảng-Trị	: Con vợ chính-thức
	: 02	: Hoàng-Công-Minh	: 01-10-1968	Quảng-Trị	: -
	: 03	: Hoàng-thị-Kim-Khánh	: 20-11-1969	Quảng-Ngãi	: -
	: 04	: Hoàng-thị-Kim-Phượng	: 27-05-1971	Quảng-Ngãi	: -
	: 05	: Hoàng-thị-Kim-Lan	: 07-02-1973	Quảng-Ngãi	: -

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật
nếu gian-dối tôi xin chịu hoàn-toàn trách-nhiệm trước pháp-luật.

HUẾ, ngày 5 tháng II năm 1973

Người khai ký tên

K H A N

N CHỈ-HUY TRƯỞNG CSQG THỪA-THIÊN
CHỦ-SỰ PHÒNG QUAN-TRỊ

Hoàng-Dàn
HOÀNG-ĐÀN

MAU 96 HT2/P3

Quyển số : 01

view of
American
they not read records

MÀU ĐỎ VIỆT

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

ss: 203

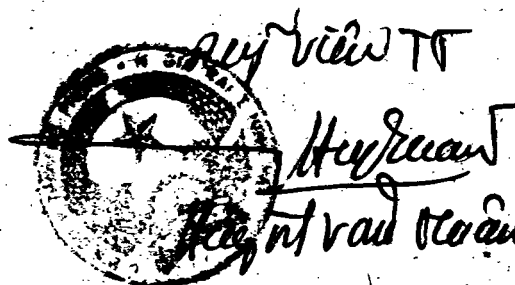
Quyển số : 01

[illegible]

Đăng ký, ngày 6/ tháng 10 năm 1966

TM/UBND Chị Xuân: Ký tên đóng dấu

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Xã Phong Thu
Huyện Huỳnh - Sơn
Tỉnh Thành phố
Bình - Định

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã HTA

CV số 315 - KH

Ngày 03/7/1978

GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số

Họ tên	<u>Hoàng - Công Bằng</u>	Nam
Sinh ngày tháng năm	<u>mùng năm tháng mười năm một ngàn chín</u> <u>trăm bảy mươi bảy (5-10-1977)</u>	
Nơi sinh	<u>Bệnh - Viện Phong - thần tỉnh Bình - Định</u>	
Phân khai về cha mẹ	Người Cha	Người mẹ
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	<u>Hoàng - Dân 36 tuổi</u>	<u>Hồ - Thị - Kim - Hồng 35 tuổi</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt - nam</u>	<u>Việt - nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Trông cây lương - thực</u>	<u>Trông cây lương thực</u>
Nơi ĐKKK thường trú		
Họ tên . tuổi . Nơi ĐKKK thường trú số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Hoàng - Dân 36 tuổi</u> <u>Tên Khẩu - an</u> <u>Xã Phong - thu, huyện Huỳnh - Sơn tỉnh</u> <u>Bình - Định - Thuận.</u>	

Người đứng khai

Ghi rõ họ tên

Hoàng - Dân

Đang ký ngày 11 tháng 10 năm 1978

TM. UBND Phong Thu

Ký tên đóng dấu ghi rõ họ tên chức vụ



Nguyễn Văn Hòa

KHAI SINH

Ân nữ (tên họ)	HOÀNG-THỊ-KIM-LAN
Tên	NỮ
Sinh ngày tháng năm	mồng bảy tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (07-02-1973)
Tên	CẨM-THÀNH, QUẢNG-NGÃI
Cha (tên họ)	HOÀNG - ĐẢN
Tuổi	25 tuổi
Nghề nghiệp	Công-chức
Cư trú tại	Cẩm-thành, Quảng-Ngãi
Mẹ (tên họ)	HỒ-THỊ-KIM-HỒNG
Tuổi	30 tuổi
Nghề nghiệp	Nội-trợ
Cư trú tại	Cẩm-thành-, Quảng-Ngãi
Vợ (chính vợ hay vợ) vợ	Vợ chánh
Người khai	Hoàng-Đản
Tuổi	30 tuổi
Nghề nghiệp	Công - Chức
Cư trú tại	Cẩm-thành, Quảng-Ngãi
Ngày khai	15 tháng 02 năm 1973
Người chứng thứ nhất (tên họ)	NGUYỄN-VĂN-BÁ
Tuổi	54 tuổi
Nghề nghiệp	Công-chức
Cư trú tại	Cẩm-thành, Quảng-Ngãi
Người chứng thứ nhì (tên họ)	NGUYỄN-VĂN-THỤN
Tuổi	36 tuổi
Nghề nghiệp	Công-chức
Cư trú tại	Cẩm-thành, Quảng-Ngãi

Lên tại Cẩm-thành ngày 15 tháng 02 năm 1973

Người khai

Mẹ đẻ

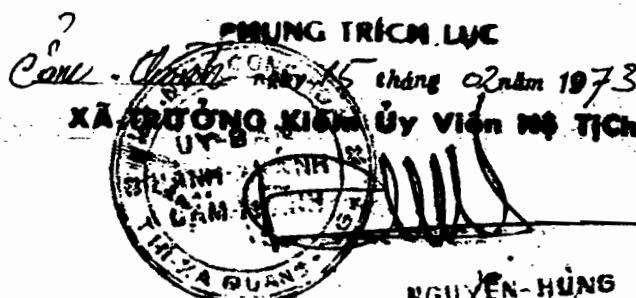
Khán Chứng

HOÀNG-ĐẢN

NGUYỄN-HÙNG

I/NGUYỄN-VĂN-BÁ

II/NGUYỄN-VĂN-THỤN



NGUYỄN-HÙNG

KHAI SINH

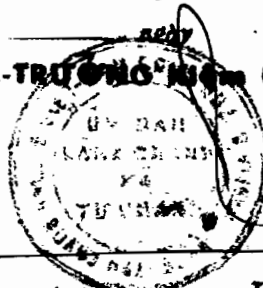
Ấu nhi (tên họ)	HOÀNG-THỊ-KIM-PHƯƠNG
Giới tính	Nữ
Sinh ngày tháng năm	Hai mươi bảy tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (27-05-1971)
Tên	Tư-chánh, Tư-nghĩa, Quảng-Ngãi
Cha (tên họ)	HOÀNG - DÂN
Tuổi	Hai mươi ba tuổi (23 tuổi)
Nghề nghiệp	Công-Chức
Cư trú tại	Tư-Chánh, Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Mẹ (tên họ)	HỒ-THỊ-KIM-HỒNG
Tuổi	Hai mươi tám tuổi (28 tuổi)
Nghề nghiệp	Nội-trợ
Cư trú tại	Tư-Chánh, Tư-Nghĩa, Quảng-Ngãi
Vợ (tên họ)	Vợ Chá nh
Người khai	HỒ-THỊ-KIM-HỒNG
Tuổi	28 tuổi (Hai mươi tám tuổi)
Nghề nghiệp	Nội-trợ
Cư trú tại	Tư-chánh, Tư-nghĩa, Quảng-Ngãi
Ngày khai	XXXXXXXXX tám tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi một (08-06-1971)
Người chứng thư nhâ (tên họ)	THIỆU-VÀNG
Tuổi	Ba mươi lăm tuổi (35 tuổi)
Nghề nghiệp	quân-nhân (NQ)
Cư trú tại	Chi-khu Tư-Nghĩa
Người chứng thư nhâ (tên họ)	Nguyễn-Thí
Tuổi	Hai mươi ba tuổi (23 tuổi)
Nghề nghiệp	quân-nhân (NQ)
Cư trú tại	Chi-khu Tư-Nghĩa

Chức vụ: TƯ - CHÁNH Ngày: 08 tháng 06 năm 1971

Người khai: HỒ-THỊ-KIM-HỒNG Ký-tên và đóng dấu: TRẦN-MINH
 Nhận Chứng: Ký-tên I/THIỆU-VÀNG II/NGUYỄN-THÍ

ĐÃ NHẬN LÊ PHÍ THEO BI SỐ 264/A
 SỐ 207 Ngày 31-3-73

PHUNG TRIỆM LẠC
 ngày tháng năm 19
 XÃ-TRUYỀN-THOẠI Ủy Viên Hội Tịch



TÁ ĐÌNH-LIÊN

Xã, Thị trấn.....
Thị xã, Quận.....
Thành phố, Tỉnh.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Quyền số

[illegible]

Họ và tên	Hương Công Bình		Nam, nữ
Sinh ngày tháng, năm	ngày một tháng mười một năm chín trăm sáu mươi tám (1-10-1968)		
Nơi sinh	Bệnh viện Dục táp Đà Nẵng		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Hương Dân sinh ngày - 23-4-1968	Hồi Chi Hương 40	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	tránh cấy kiêng - hắc	tránh cấy kiêng - hắc	
Nơi ĐKNK thường trú	Bình Mỹ - Phường Th	Bình Mỹ - Phường Th	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Hương Dân (39 tuổi) địa chỉ: Bình Mỹ, Xã Hương Th Hương Dân - Bình Mỹ - Th		

Ngày 7 tháng 8 năm 1989

TM UBND *Xã Mỹ Thuận*
(Ký tên, đóng dấu)

Đăng ký, ngày 11 tháng 5 năm 1989.....

TM/ Ủy ban nhân dân Lâm Phú Hải

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Đặng Hùng Cường

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh QUẢNG-TRỊ

Quận MAI-LÍNH

Xã QUẢNG-TRỊ

Bản Trích-Lục BỘ KHAI SINH

Số hiệu 505

Năm 1967

Tên họ ấu nhi	<u>HOÀNG-THỊ KIM-TRINH</u>
Phái	<u>NỮ</u>
Sinh	<u>ngày hai mươi, tháng chín, năm một nghìn chín trăm</u> (ngày tháng năm) <u>sáu mươi bảy (20-9-1967)</u>
Tại	<u>Thôn Đệ-Thị, Xã Quảng-Trị</u>
Cha	<u>HỒ-THỊ ĐÀN</u> (tên họ)
Nghề	<u>Thợ may</u>
Cư trú tại	<u>Thôn Đệ-Thị, Xã Quảng-Trị</u>
Me	<u>HỒ-THỊ KIM-HỒNG</u> (tên họ)
Nghề	<u>Hội-Trợ</u>
Cư trú tại	<u>Thôn Đệ-Thị, Xã Quảng-Trị</u>
Vợ	<u>Chánh</u> (chánh hay thứ)

CHỨNG THỰC:

Chữ ký và khuôn dấu của Ông L.

UBHC Xã Quảng-Trị

Mai-Lính ngày 8 tháng 11

TUN. TỈNH-TRƯỞNG

KT QUẬN-TRƯỞNG

Trích y bản chính:

Quảng-Trị ngày 8 tháng 11 năm 1967

Chủ tịch UBHC xã kiêm Hộ-tích



HOÀNG-VAN-TIẾU

Tỉnh QUẢNG-TRỊQuận MAI-LÂNXã QUẢNG-TRỊ

TRÍCH LỤC

Chứng thư Hôn - thú

Tên họ người chồng HÀNG-DÂN
 Nghề-nghiệp Thợ máy
 Sinh ngày 23 tháng 4 năm 1948
 Tại Khánh-hỷ, Phong-Diền, Th' và-Thiền
 Cư sở tại nhà
 Tạm trú tại nhà
 Tên họ cha chồng HÀNG-DỤC (sống)
 (Sống chết phải nói)
 Tên họ mẹ chồng NGUYỄN-THỊ-THỊ (sống)
 (Sống chết phải nói)
 Tên họ người vợ HỒ-THỊ-KIM-HỒNG
 Nghề-nghiệp Nội trợ
 Sinh ngày 25 tháng 01 năm 1943
 Tại Cố-Thành, Triệu-Phong, Quảng-Trị
 Cư sở tại nhà
 Tạm trú tại Thôn Mỹ-Nhị, Xã Quảng-Trị
 Tên họ cha vợ HỒ-DỊP (chết)
 (Sống chết phải nói)
 Tên họ mẹ vợ NGUYỄN-THỊ-BÙ (sống)
 (Sống chết phải nói)
 — Ngày cưới Hai mươi tám, tháng chín, năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu (28-9-1966)
 — Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế
 Ngày tháng năm
 Tại

Trích y bản chính:

Quảng-Trị, ngày 10 tháng 10 năm 1966
 Chủ-tịch UBND Xã kiêm Hộ-tịch,

CHỖ TRƯỞNG
 Chủ tịch Ủy ban Hộ-tịch UBND Xã
Quảng-Trị

MAI-LÂN, ngày 10 tháng 10 năm 1966



NGUYỄN-DÂN-DÂN